

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày 05/6/2018

*“V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con
chung giữa chị T, anh D”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Danh Bảo

2. Ông Đào Duy Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1982

Bị đơn: Anh Đào Văn D, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Q, tỉnh B

(Tại phiên tòa có mặt các đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Đào Văn D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q ngày 23/12/2003. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh D thường xuyên say xỉn về nói với chị

những lời lẽ lăng nhục, xúc phạm, chị đã tha thứ cho anh nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Ngoài ra, gia đình anh D còn nghi ngờ chị có quan hệ với người khác dẫn đến mâu thuẫn giữa chị và gia đình nhà chồng. Tết năm 2018 mâu thuẫn căng thẳng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống từ ngày 05/01/2018 (âm lịch) cho đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm, chị không thể tiếp tục chung sống với anh D, chị xin được ly hôn.

Vợ chồng có hai con chung là Đào Duy Th sinh ngày 24/10/2004 và Đào Mai Ng sinh ngày 06/8/2008, chị xin nuôi dưỡng con Đào Mai Ng vì theo chị cháu Ng là con gái lại còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh Đào Văn D trình bày: Anh xác nhận phần trình bày của chị T về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và thời gian vợ chồng chung sống là đúng. Theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, thời gian trước đây có một vài lần vui bạn bè uống rượu về anh có nặng lời với chị T, anh xin nhận lỗi. Thời gian vừa qua chị T có mâu thuẫn với mẹ anh, ngày mùng 5 tết năm 2018 chị T bỏ đi 10 ngày, sau đó về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, anh có đến tìm nhưng chị T không quay về. Anh không biết lý do gì chị T xin ly hôn, anh thấy vẫn còn tình cảm với chị T, anh xin đoàn tụ.

Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung như chị T đã trình bày, hiện nay hai con đang ở với anh, anh xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho hai con.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Cháu Đào Duy Th và cháu Đào Mai Ng đều trình bày, bố mẹ các cháu là chị T, anh D đều rất thương yêu và chăm lo cho các cháu, được ở với ai các cháu cũng đều nhất trí.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh B về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Đào Văn D; giao con chung Đào Duy Th sinh ngày 24/10/2004 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đào Mai Ng sinh ngày 06/8/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị T và anh D đều không yêu cầu

giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết; chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, các đương sự đều cư trú tại huyện Q, tỉnh B, căn cứ vào Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Đào Văn D kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q cấp đăng ký kết hôn số 58 ngày 23/12/2003 là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T xin ly hôn vì lý do anh D thường uống rượu say xỉn về có lời nói lăng nhục, xúc phạm chị, mặc dù đã tha thứ nhiều lần nhưng anh D không thay đổi, bên cạnh đó còn do mâu thuẫn giữa chị T và gia đình anh D nghi ngờ chị có quan hệ với người khác; anh D xác nhận có một vài lần nặng lời với chị, nhưng mâu thuẫn không lớn, anh xin lỗi và xin đoàn tụ. Qua xác minh ở địa phương thấy, trong cuộc sống chung của anh chị có mâu thuẫn, ngoài mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày thì còn do việc chị T thường theo đoàn đi làm từ thiện ở các tỉnh xa, anh D không hài lòng với việc đi làm từ thiện của chị T dẫn đến mâu thuẫn nặng nề hơn. Sau tết năm 2018 mâu thuẫn căng thẳng, chị T đã về sinh sống với bố mẹ để cho đến nay. Mặc dù hai gia đình ở cùng thôn, gần nhà nhau, anh D đã nhiều lần đến tìm nhưng chị T cương quyết không quay về. Tòa án đã nhiều lần hòa giải, phân tích khuyên chị T quay về đoàn tụ để cùng anh D xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái nhưng chị T không thay đổi quan điểm, vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Xét thấy, chị T và anh D có hai con chung là Đào Duy Thsinh ngày 24/10/2004 và Đào Mai Ng sinh ngày 06/8/2008, qua xác minh thấy chị T và anh D đều có điều kiện chăm sóc cho con như nhau, hai con của anh chị đều xác nhận cả anh và chị đều lo lắng chăm sóc và yêu thương con cái, nguyện vọng của hai con giao cho ai nuôi các cháu cũng nhất trí. Vì vậy, cần giao cho chị T

và anh D mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con như vậy sẽ đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dạy con chung, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu của chị T xin được nuôi dưỡng con Đào Mai Ng vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn, giao cháu Đào Duy Th cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về chia tài sản chung: Chị T và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Đào Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Mai Ng sinh ngày 06/8/2008; giao cho anh Đào Văn D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Duy Th sinh ngày 24/10/2004 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: Chị Trần Thị T và anh Đào Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Trần Thị T và anh Đào Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003560 ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh B được chuyển thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Đào Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Q;
- UBND xã Đ, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương Liên (đã ký)